

Bản án số: 27/2020/HSST

Ngày: 10 - 11 - 2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN V - TỈNH QUẢNG NINH**

Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa:* Ông Trần Chính Nghĩa

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Ngô Duy Hưng

2. Bà Hoàng Thị Minh Tâm

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Dương Văn Huyền - Cán bộ tòa án nhân dân huyện V

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V, tỉnh Quảng Ninh tham gia phiên tòa:* Bà Phạm Thu Huyền - Chức vụ: Kiểm sát viên

Trong ngày 10 tháng 11 năm 2020 tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện V
Đồn xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 25/2020/HSST ngày 05 tháng
10 năm 2020 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 25/2020/QĐXXST- HS ngày
27/10/2020 đối với bị cáo:

* **Họ và tên: Nguyễn Văn C**, Tên gọi khác: Cương Trố - Sinh năm 1967, tại thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh; Nơi cư trú: Khu 2, thị trấn C, huyện V, Quảng Ninh; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 03/12; Con ông: Nguyễn Đăng M, sinh năm 1936; Con bà: Vũ Thị G, sinh năm 1939; Có vợ: Nguyễn Thị H, sinh năm 1975; Có 02 con: Con lớn sinh năm 1998, con nhỏ sinh năm 2001; Tiền án: Ngày 31/5/2016, bị Tòa án nhân dân huyện V xử phạt 36 tháng tù về tội: “Cướp tài sản”, ngày 28/9/2018 chấp hành xong hình phạt tù; Tiền sự: Không.

Bị cáo hiện bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “ Cấm đi khỏi nơi cư trú” - Có mặt.

* Bị hại: Chị Nguyễn Thị Ánh T, sinh năm 1962; Địa chỉ: khu c, thị trấn C, huyện V, tỉnh Quảng Ninh – Có mặt

* Người làm chứng: Nguyễn Thị H, Nguyễn Hồng T (có mặt), Nguyễn Văn S (Vắng mặt- có đơn xin xét xử vắng mặt), Bùi Duy B, Nguyễn Thị H (Đều vắng mặt

không lý do); Ông Lưu Văn T có mặt phần bắt đầu phiên tòa, sau vắng mặt vì lý do sức khỏe, đề nghị được xét xử vắng mặt, được Hội đồng xét xử chấp nhận.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Năm 2004, bà Nguyễn Thị Ánh T, trú tại khu c, thị trấn C, huyện V ký hợp đồng kinh tế với Công ty cổ phần đầu tư bất động sản Hải Phòng để đặt cọc nộp tiền đóng góp xây dựng cơ sở hạ tầng kỹ thuật và đăng ký vị trí đến khi đủ điều kiện mua quyền sử dụng đất tôn tạo. Thực hiện hợp đồng, Công ty cổ phần đầu tư kinh doanh bất động sản Hải Phòng giao cho bà Tuyết cộng quản khu đất thuộc ô đất số 25D và phần đất liền kề ô 25D tại khu c, thị trấn C, huyện V. Quá trình quản lý, sử dụng, bà T đã trồng một số cây ăn quả và cây cảnh ở khu đất trên. Khoảng 8 giờ ngày 08/9/2019, Nguyễn Văn C cầm 01 con dao, loại dao rựa đến khu vườn của bà T để chặt phá các loại cây cối trong vườn. Đầu tiên, C dùng dao chặt 01 cây trứng cá để lấy đường đi vào vườn rồi tiếp tục cầm dao chặt phá một số cây cối khác. Bà T phát hiện đi ra can ngăn nhưng C vẫn tiếp tục chặt phá. Sau đó C bỏ về và để dao ở lại.

Biên bản khám nghiệm hiện trường thể hiện: Phần diện tích đất vườn bị chặt phá có kích thước $(21,5 \times 10)m^2$. Trong diện tích đất vườn, số cây bị chặt gồm: 08 cây chuối, 02 cây na, 01 cây táo, 03 cây đào, 01 cây mít, 02 cây bông, 03 cây đu đủ, 01 cây nhãn, 01 cây sộp, 01 cây ngũ gia bì, 01 cây chùm ngây, 01 cây trứng cá, 01 cây chanh, 1 cây me.

Bị cáo C trong quá trình điều tra và tại phiên tòa khai: Bị cáo chặt cây do bị cáo trồng trong phần đất thuộc quyền sử dụng của bị cáo. Bị cáo cho rằng: Quyền sử dụng đất của bị cáo có được do có thời gian làm việc cho ông Lưu Văn T, trú tại khu r, thị trấn C, huyện V từ năm 2001 đến năm 2005. Do ông T không có tiền để trả tiền công cho bị cáo nên ông T đã viết giấy chuyển nhượng lại cho bị cáo 01 lô đất có chiều rộng 05m, chiều dài 30m, tổng cộng $150m^2$, vị trí sát núi đá thuộc khu c, thị trấn C, huyện V, sát đất nhà bà T. Giấy chuyển nhượng đất, ông T viết tay cho bị cáo không có công chứng, chứng thực. Tại phiên tòa, bị cáo C chỉ thừa nhận chặt 16 cây chứ không phải chặt 27 cây như cáo trạng đã nêu. Lý do C chặt cây trong vườn của bà T vì khu đất đó đã được ông Lưu Văn T chuyển nhượng. Con dao C dùng để chặt cây là loại dao rựa, dài khoảng 50cm bản rộng 05cm. Sau khi chặt xong, C để dao tại chỗ nhưng sau đó không tìm thấy.

Biên bản làm việc với phòng tài nguyên và môi trường huyện V thể hiện vị trí ô đất số 25, lô D thuộc dự án khu trung tâm Thương mại – Du lịch và dân cư C do Công ty cổ phần đầu tư kinh doanh bất động sản là chủ đầu tư. Biên bản làm việc với Công ty cổ phần đầu tư kinh doanh bất động sản thể hiện vị trí khu vườn Nguyễn Văn C chặt phá cây thuộc thửa đất số 25D và liền kề thửa đất số 25D mà Công ty đã giao cho bà Nguyễn Thị Ánh T cộng quản từ năm 2004.

Tại kết luận định giá tài sản số 26/KLĐG ngày 17/9/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện V, tỉnh Quảng Ninh kết luận: Tổng giá trị tài sản bị thiệt hại là 3.115.000 đồng.

Bản cáo trạng số 06/CT-VKSCP ngày 14/02/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện V truy tố bị cáo Nguyễn Văn C về tội “ Cố ý làm hư hỏng tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 178 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát huyện V, đưa ra những chứng cứ, chứng minh hành vi phạm tội của bị cáo và thay đổi quan điểm truy tố, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 178, điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự, xử phạt Nguyễn Văn C từ 12 (mười hai) tháng tù đến 15 (mười lăm) tháng tù về tội: “Hủy hoại tài sản”. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi Thi hành án; Buộc bị cáo phải bồi thường cho bà Nguyễn Thị Ánh T 3.115.000 đồng.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa;

Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của kiểm sát viên, bị cáo, bị hại, người làm chứng

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra Công an huyện V, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện V, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Tại cơ quan điều tra và phiên tòa bị cáo Nguyễn Văn C cho rằng: Bị cáo chặt cây do bị cáo trồng trong phần đất thuộc quyền sử dụng của bị cáo nên không phạm tội. Hội đồng xét xử thấy rằng: Biên bản làm việc với phòng tài nguyên và môi trường huyện V khẳng định vị trí ô đất số 25D thuộc dự

án khu trung tâm thương mại – du lịch và dân cư C, do Công ty cổ phần đầu tư kinh doanh bất động sản là chủ đầu tư Hải Phòng. Công ty cổ phần đầu tư kinh doanh bất động sản cũng đã xác nhận vị trí khu vườn Nguyễn Văn C chặt phá cây thuộc thửa đất số 25D mà Công ty đã giao cho bà Nguyễn Thị Ánh T cộng quản từ năm 2004. Điều này phù hợp với các Quyết định số 78/QĐ-UB ngày 20/3/1994 của UBND huyện C (nay là UBND huyện V) về việc giao đất cho Công ty Cổ phần đầu tư kinh doanh bất động sản, Hợp đồng kinh tế số 18/04/HĐ-BDS ngày 17/9/2004 giữa Công ty cổ phần đầu tư kinh doanh bất động sản với bà Nguyễn Thị Ánh T, Biên bản bàn giao đất tại thực địa để cộng quản và Biên bản bàn giao đất tại thực địa để cộng quản bổ sung vào các ngày 15/10/2004 và 24/10/2004 của Công ty cổ phần đầu tư kinh doanh bất động sản cho bà Nguyễn Thị Ánh T; Việc bị cáo cho rằng quyền sử dụng đất của bị cáo có được từ việc ông Lưu Văn T do không có tiền để trả tiền công cho bị cáo trong thời gian làm thuê cho ông T từ 2001 đến 2005 nên đã viết giấy chuyển nhượng cho bị cáo không có công chứng, chứng thực. Ông Lưu Văn T có lời khai tại cơ quan điều tra cũng xác nhận việc chuyển nhượng cho bị cáo thửa đất bằng giấy viết tay vào tháng 01/2005 nhưng do thời gian quá lâu, nhiều hộ dân đã xây nhà tại khu vực trên nên ông T không nhớ rõ vị trí thửa đất đã chuyển nhượng cho bị cáo. Hội đồng xét xử thấy rằng: Việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông T và bị cáo không có công chứng, chứng thực của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền là trái với quy định của Luật đất đai. Điều 127 Luật đất đai 2003 quy định: “... *Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất phải có chứng nhận của công chứng Nhà nước; trường hợp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất của hộ gia đình, cá nhân thì được lựa chọn hình thức chứng nhận của công chứng Nhà nước hoặc chứng thực của Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn nơi có đất...*”.

Từ những tài liệu, chứng cứ nêu trên có đủ căn cứ khẳng định: Bị cáo Nguyễn Văn C đã chặt phá cây nằm hoàn toàn trong thửa đất thuộc quyền quản lý, sử dụng của bị hại là bà Nguyễn Thị Ánh T.

Về việc bị cáo cho rằng bị cáo chặt cây do bị cáo trồng nên không phạm tội. Hội đồng xét xử thấy rằng: Lời khai ban đầu của bị cáo tại Công an thị trấn C, huyện V vào hồi 9 giờ 50 phút ngày 08/9/2019, bị cáo C khai nhận về số cây bị cáo chặt là do bà T trồng. Các lời khai của bị cáo tại Công an huyện V vào các ngày 10/9/2019 và 05/12/2019, bị cáo thừa nhận số cây bị cáo chặt không phải do bị cáo trồng. Các lời khai tiếp theo tại cơ quan điều tra Công an huyện V và tại phiên tòa, bị cáo thay đổi nội dung lời khai và khai số cây bị cáo chặt là do bị cáo trồng, rằng khi trồng cây có anh B, chị H nhà gần đó chứng kiến. Tuy nhiên người làm chứng là anh Bùi Huy B và chị Nguyễn Thị H khai do bận đi làm suốt ngày nên không để ý số cây bị cáo C đã

chặt trong vườn nhà bà T là do ai trồng. Ngoài ra anh chị B, H còn cho biết: Khi chuyển ra sinh sống tại khu c, thị trấn C đã nhìn thấy bà T sinh sống ở đây. Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa, bà T khẳng định số cây bị cáo C chặt trong vườn của bà đều do bà trồng. Tại thời điểm số cây bị cáo chặt hạ vào ngày 08/9/2019 đang nằm trong sự quản lý của bà T. Như vậy, các lời khai ban đầu của bị cáo tại cơ quan điều tra có căn cứ, được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Từ những căn cứ nêu trên có đủ cơ sở kết luận: Toàn bộ 27 cây bị cáo Nguyễn Văn C chặt phá trong vườn bà T có nguồn gốc do bà T trồng và bà T là chủ sở hữu toàn bộ số cây trên trước khi bị cáo C chặt hạ. Do đó, bị cáo cho rằng số cây bị cáo chặt là do bị cáo trồng là không có cơ sở, Hội đồng xét xử không chấp nhận.

Bị cáo cho rằng: Bị cáo chỉ chặt 16 cây, không phải 27 cây như cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện V đã truy tố. Căn cứ vào các Biên bản khám nghiệm hiện trường, Biên bản xác định thiệt hại tài sản, Biên bản định giá tài sản đều xác định số lượng cây bị đốn hạ là 27 cây. Tại phiên tòa, bị cáo không đưa ra được tài liệu, chứng cứ nào thể hiện số cây bị chặt là 16 cây nên Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu phải làm rõ của bị cáo. Các tài liệu, chứng cứ nêu trên còn phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có tại hồ sơ vụ án.

Biên bản khám nghiệm hiện trường và bản ảnh hiện trường đều thể hiện: Toàn bộ số cây đều bị Nguyễn Văn C chặt đứt rời sát gốc và ngang thân. Bị cáo đã có hành vi mang tính chất triệt hạ với mong muốn hủy hoại toàn bộ số cây bị cáo đã chặt. Hầu hết số cây bị chặt là cây ăn quả, thuộc loại thân gỗ nên không có khả năng tái tạo. Sau khi bị chặt phá, toàn bộ số cây bị chặt không còn khả năng hồi sinh. Do đó, đại diện Viện kiểm sát huyện V tại phiên tòa thay đổi quan điểm truy tố, đề nghị Hội đồng xét xử: Xét xử bị cáo Nguyễn Văn C về tội: “Hủy hoại tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 178 Bộ luật hình sự là hoàn toàn có căn cứ.

Từ những căn cứ nêu trên đã đủ cơ sở kết luận: Khoảng 08 giờ ngày 08/9/2019, tại khu c, thị trấn C, huyện V, Nguyễn Văn C có hành vi dùng dao chặt phá 27 cây các loại, tổng giá trị thiệt hại là 3.115.000đ (ba triệu một trăm mười lăm nghìn đồng) của bà Nguyễn Thị Ánh T. Hành vi của bị cáo Nguyễn Văn C đã phạm vào tội “Hủy hoại tài sản”. Tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 178 Bộ luật hình sự

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến trật tự an toàn xã hội, xâm phạm đến tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ. Bị cáo đã thể hiện thái độ coi thường pháp luật. Nguyên nhân xuất phát từ việc bị cáo nhận thức sai trái cho rằng thửa đất thuộc quyền quản lý sử dụng của bà Nguyễn Thị Ánh T là của bị cáo. Khi bị bà T ngăn cản, bị cáo đã tỏ ra tức tối và thực hiện hành vi chặt phá cây cối trong vườn nhà bà T với mục đích triệt hạ, hủy hoại tài sản của Bà T. Hành vi

phạm tội của bị cáo cần xử lý nghiêm, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian.

Tại cơ quan điều tra, các lời khai ban đầu của bị cáo vào các ngày 08/9/2019, 10/9/2019 và 05/12/2019 tỏ ra thành khẩn. Các lời khai sau đó và tại phiên tòa, bị cáo thay đổi lời khai. Mặc dù bị cáo khai báo tương đối đầy đủ hành vi phạm tội, nhưng sau khi được các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng phân tích giải thích, bị cáo vẫn tỏ ra ngoan cố, không nhận tội, không thể hiện sự ăn năn hối cải, do đó không được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự; Bị cáo phạm tội lần này thuộc trường hợp tái phạm do đã có 01 tiền án về tội: “Cướp tài sản”, là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

[3] Về vấn đề bồi thường: Bị hại yêu cầu bị cáo phải bồi thường khoản tiền đúng bằng tổng giá trị thiệt hại do bị cáo gây ra theo kết quả định giá nhưng bị cáo không đồng ý bồi thường. Xét yêu cầu bồi thường của bị hại là có căn cứ, Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về vật chứng vụ án: Con dao bị cáo dùng để chặt cây tại vườn nhà bị hại, cơ quan điều tra Công an huyện Vân Đồn đã truy tìm nhưng không thấy nên không đề cập xử lý.

[4] Về án phí: Bị cáo phải nộp án phí hình sự và dân sự theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Căn cứ khoản 1 Điều 178, điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

Tuyên bố: Bị cáo **Nguyễn Văn C** phạm tội: “Hủy hoại tài sản”

Xử phạt: **Nguyễn Văn C 12 (Mười hai) tháng tù**. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi Thi hành án.

[2] Áp dụng khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự; Điều 584, Điều 585, Điều 589 Bộ luật dân sự;

Buộc bị cáo phải bồi thường cho bà Nguyễn Thị Ánh T, trú tại: Khu c, thị trấn C, huyện V số tiền 3.115.000 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu Thi hành án của người được Thi hành án cho đến khi thi hành xong, hàng tháng bị cáo còn phải chịu thêm khoản tiền lãi của số tiền còn phải Thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành dân sự, người phải thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 luật thi hành án dân sự.

[3] Biện pháp tư pháp: Áp dụng khoản 4 Điều 123 Bộ luật tố tụng hình sự: Tiếp tục áp dụng lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú đối với bị cáo thời hạn 45 ngày kể từ ngày tuyên án để đảm bảo Thi hành án.

[4] Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Buộc bị cáo phải nộp 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

[5] Áp dụng Điều 331; Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự: Bị cáo, Bị hại được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND huyện V;
- TAND tỉnh Quảng Ninh;
- VKSND tỉnh Quảng Ninh;
- CQTHADS huyện V;
- CCTHAHS – CA huyện V;
- CQCSĐT–CA huyện V;
- Bị cáo;
- Bị hại;

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
(Đã ký)**

Trần Chính Nghĩa